

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

-----o0o-----

TRANG THÔNG TIN VỀ NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI

VỀ MẶT HỌC THUẬT, LÝ LUẬN CỦA LUẬN ÁN

Tên luận án: **KHẢ NĂNG ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ VÀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ LOGISTICS TẠI VIỆT NAM: VAI TRÒ TRUNG GIAN CỦA QUẢN TRỊ LINH HOẠT VÀ DỊCH VỤ TẠO GIÁ TRỊ**

Chuyên ngành: **Quản trị kinh doanh**

Mã số: **9340101**

Nghiên cứu sinh: **BÙI THỊ TỔ LOAN**

Khóa: **2023**

Cơ sở đào tạo: **Trường Đại học Tài chính - Marketing**

Người hướng dẫn luận án 01: **PGS. TS. NÔNG THỊ NHƯ MAI**

Người hướng dẫn luận án 02: **TS. CAO QUỐC VIỆT**

Tóm tắt những đóng góp mới về mặt lý thuyết và thực tiễn của luận án như sau:

1. Đóng góp của nghiên cứu về mặt lý thuyết và học thuật

Luận án có một số đóng góp quan trọng về mặt lý thuyết và học thuật đối với nghiên cứu chuyển đổi số, năng lực động và năng lực cạnh tranh trong ngành logistics.

Tước hết, nghiên cứu mở rộng cách tiếp cận của thuyết năng lực động (Dynamic Capability Theory - DCT) trong bối cảnh logistics số theo hướng tiếp cận dựa trên quá trình (process-based perspective). Các nghiên cứu trước đây thường xem công nghệ số hoặc năng lực số hóa như một nguồn lực có khả năng tạo ra lợi thế cạnh tranh trực tiếp thông qua đổi mới, hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh (NLCT) của doanh nghiệp. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cho thấy trong điều kiện số hóa ngày càng phổ biến, khi mức độ tiếp cận công nghệ giữa các doanh nghiệp logistics (LSP) dần thu hẹp, công nghệ số không còn duy trì vai trò như một nguồn lợi thế cạnh tranh trực tiếp và bền vững.

Kết quả MGA cho thấy, đặc biệt ở nhóm LSP quy mô lớn, tác động trực tiếp của khả năng áp dụng công nghệ số (ADT) đến NLCT không còn mang ý nghĩa thống kê đáng kể, trong khi vai trò trung gian của quản trị linh hoạt (AM) và dịch vụ tạo giá trị (VCS) trở nên nổi bật hơn. Phát hiện này cho thấy công nghệ số chỉ thực sự tạo ra giá trị cạnh tranh khi được chuyển hóa thành các năng lực tổ chức và năng lực vận hành phù hợp.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất cách tiếp cận mới đối với DCT trong bối cảnh logistics số theo chuỗi chuyển hóa năng lực nhiều tầng (multi-layer capability transformation architecture). Theo đó, ADT được khái niệm hóa như một năng lực nền tảng kích hoạt (foundational digital enabler), tạo điều kiện hình thành các năng lực động của doanh nghiệp. Tiếp theo, AM phản ánh năng lực động ở cấp độ quá trình, cho phép doanh nghiệp tái cấu trúc hoạt động, điều phối nguồn lực và thích ứng linh hoạt với môi trường

biến động. Trong khi đó, VCS phản ánh cơ chế hiện thực hóa giá trị ở cấp độ dịch vụ, thông qua đó các năng lực vận hành được chuyển hóa thành giá trị cho khách hàng và thị trường. Kết quả cuối cùng của chuỗi chuyển hóa này là NLCT của LSP.

Qua đó, nghiên cứu góp phần dịch chuyển cách tiếp cận từ logic “năng lực cạnh tranh dựa trên công nghệ” sang logic “năng lực cạnh tranh dựa trên chuyển hóa năng lực”, trong đó lợi thế cạnh tranh không đến từ bản thân công nghệ mà đến từ khả năng chuyển hóa công nghệ thành năng lực tổ chức và giá trị dịch vụ phù hợp với bối cảnh vận hành thực tế. Đây cũng là điểm mở rộng quan trọng của DCT trong nghiên cứu logistics số, khi năng lực cạnh tranh không còn được giải thích bởi tài sản công nghệ đơn lẻ mà bởi sự tương tác và hỗ trợ giữa các tầng năng lực theo hướng quá trình.

Bên cạnh đó, nghiên cứu đóng góp cho dòng nghiên cứu chuyển đổi số khi vận dụng khung TOE theo hướng cấu hình hóa năng lực số (digital capability configuration). Theo đó, TOE được sử dụng như một khung cấu trúc để hình thành và đo lường ADT, trong khi cơ chế chuyển hóa từ ADT đến NLCT được giải thích thông qua logic của DCT. Cách tiếp cận tích hợp này góp phần làm rõ vai trò hỗ trợ giữa TOE và DCT, đồng thời giảm sự phân mảnh về khái niệm và đo lường trong nghiên cứu chuyển đổi số logistics.

Ngoài ra, nghiên cứu còn mở rộng góc nhìn về tính điều kiện (contingency) và tính ngữ cảnh (contextuality) trong cơ chế hình thành NLCT của doanh nghiệp logistics. Kết quả cho thấy cơ chế chuyển hóa từ ADT đến NLCT thay đổi theo quy mô và mức độ trưởng thành của doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghệ số vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao giá trị dịch vụ và NLCT. Trong khi đó, ở các doanh nghiệp lớn, quản trị linh hoạt trở thành cơ chế trung tâm quyết định khả năng hiện thực hóa giá trị dịch vụ và duy trì lợi thế cạnh tranh. Phát hiện này cho thấy lợi thế cạnh tranh trong logistics số không được hình thành theo một cấu trúc cố định mà phản ánh sự dịch chuyển từ mô hình cạnh tranh dựa trên công nghệ sang mô hình cạnh tranh dựa trên năng lực tái cấu trúc và điều phối vận hành khi doanh nghiệp ngày càng trưởng thành hơn.

Cuối cùng, nghiên cứu cũng góp phần bổ sung cách tiếp cận đối với tính tự chủ của nhân viên (EA) trong các mô hình năng lực động. Việc không xác nhận vai trò điều tiết của EA cho thấy tính tự chủ có thể không vận hành như một cơ chế tương tác trực tiếp giữa các tầng năng lực, mà tồn tại như một điều kiện tổ chức nền hỗ trợ khả năng thích ứng và phối hợp vận hành của doanh nghiệp trong môi trường động. Phát hiện này góp phần mở rộng hiểu biết về vai trò của tính tự chủ trong các doanh nghiệp logistics tại các nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam.

2. Đóng góp của nghiên cứu về mặt thực tiễn

Bên cạnh các đóng góp lý thuyết, luận án cũng mang lại nhiều hàm ý thực tiễn quan trọng đối với các LSP và nhà hoạch định chính sách tại Việt Nam.

Trước hết, kết quả nghiên cứu cho thấy các LSP không nên xem việc áp dụng công nghệ số là mục tiêu cuối cùng mà cần xem đây là nền tảng để phát triển năng lực tổ chức và năng lực tạo giá trị. Việc đầu tư vào công nghệ số chỉ thực sự mang lại lợi thế cạnh tranh khi doanh nghiệp có khả năng chuyên hóa công nghệ thành các quy trình vận hành linh hoạt và các dịch vụ tạo giá trị cho khách hàng.

Thứ hai, nghiên cứu nhấn mạnh vai trò quan trọng của quản trị linh hoạt trong việc nâng cao NLCT, đặc biệt đối với các LSP quy mô lớn. Do đó, các nhà quản trị cần chú trọng xây dựng cơ cấu tổ chức linh hoạt, tăng cường khả năng điều phối nguồn lực và nâng cao khả năng thích ứng với biến động của môi trường kinh doanh.

Thứ ba, nghiên cứu cho thấy dịch vụ tạo giá trị đóng vai trò là cơ chế chuyển hóa năng lực số thành giá trị cho khách hàng và thị trường. Vì vậy, các LSP cần tập trung phát triển các dịch vụ tích hợp, cá nhân hóa và ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng và củng cố vị thế cạnh tranh.

Thứ tư, nghiên cứu cung cấp các hàm ý quản trị khác nhau theo quy mô doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đầu tư vào công nghệ số vẫn là yếu tố quan trọng để nâng cao NLCT. Trong khi đó, đối với các doanh nghiệp lớn, trọng tâm chiến lược cần chuyển sang nâng cao năng lực quản trị linh hoạt và tái cấu trúc hoạt động, bởi công nghệ đơn thuần không còn đủ để duy trì lợi thế cạnh tranh bền vững.

Cuối cùng, nghiên cứu cung cấp hàm ý cho các nhà hoạch định chính sách trong thúc đẩy chuyển đổi số ngành logistics. Các chính sách hỗ trợ cần không chỉ tập trung vào đầu tư công nghệ mà còn hướng đến phát triển năng lực quản trị, năng lực tổ chức và đổi mới dịch vụ nhằm nâng cao NLCT của doanh nghiệp logistics trong bối cảnh số hóa.